

Giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ huy động vốn tại OceanBank hiện nay và giai đoạn đến năm 2025

PHAN QUAN VIỆT
NGUYỄN THANH TÀI**

Dịch vụ huy động vốn (HDV) đã có những đóng góp nhất định vào thành công của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) trong thời gian qua. Tuy nhiên, sự phát triển và cạnh tranh của hệ thống ngân hàng, thị trường tài chính và các kênh đầu tư khác như: thị trường bất động sản, thị trường hàng hóa và tiêu dùng... đã tác động mạnh đến hoạt động HDV của OceanBank. Do đó, trong thời gian tới, OceanBank cần có những giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ HDV, nhằm đảm bảo thanh khoản, duy trì sự phát triển ổn định, nhất là trong bối cảnh Ngân hàng đang thực hiện phương án tái cơ cấu lại hoạt động.

THỰC TRẠNG

Về huy động vốn

Để HDV, OceanBank đã triển khai đồng bộ các giải pháp, tăng cường tiếp thị các đối tượng khách hàng tổ chức kinh tế và cá nhân để giữ vững và tăng trưởng vốn. Kết quả HDV cuối kỳ trong giai đoạn 2017-2019 đã hoàn thành, thậm chí vượt mức kế hoạch đề ra. Quy mô HDV cuối kỳ tăng dần đều qua các năm. Năm

2017 đạt 62.354 tỷ đồng; năm 2018 đạt 68.710 tỷ đồng, tăng trưởng 10,2%/năm so với năm 2017. Đặc biệt, năm 2019 đạt con số hết sức ấn tượng là 81.039 tỷ đồng, tăng trưởng 17,9%/năm so với năm 2018 (Bảng 1).

Về quy mô và tốc độ tăng trưởng huy động vốn

Tính đến ngày 31/12/2019, tổng HDV cuối kỳ của OceanBank đạt con số ấn tượng là 81.039 tỷ đồng, tăng 17,9% so với cuối năm 2018. HDV bằng VND là 52.328 tỷ đồng (chiếm 64,6%), HDV bằng ngoại tệ đạt 28.711 tỷ đồng, tăng 3.770 tỷ đồng so với cuối năm 2018. HDV không kỳ hạn đạt 18.900 tỷ đồng, tăng 2.209 tỷ đồng so với cuối năm 2018. HDV từ tổ chức kinh tế (TCKT) đạt 47.287 tỷ đồng, chiếm 58,4%. HDV từ dân cư đạt 33.752 tỷ đồng, chiếm 41,6%. Năm 2019, OceanBank đã thu hút được nguồn tiền gửi lớn từ khách hàng hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp vay vốn dư cuối năm là gần 5.500 tỷ đồng. HDV từ các khách hàng bán buôn sản phẩm khác cũng tăng khá cao, hơn 2.000 tỷ đồng (Bảng 2).

BẢNG 1: KẾT QUẢ HDV CỦA OCEANBANK GIAI ĐOẠN 2017-2019

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Tỷ lệ tăng trưởng trung bình (%)
		Số tiền (tỷ đồng)	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		
I	Phân theo quy mô							
1	HDV cuối kỳ	62.354	68.710	10,2	81.039	17,9	14,1	
2	HDV bình quân từ đầu kỳ đến cuối kỳ	55.559	64.323	15,8	74.875	16,4	16,1	
II	Phân theo cơ cấu							
1	HDV từ tổ chức cuối kỳ	34.249	36.621	6,9	47.287	29,1	18,0	
2	HDV từ cá nhân cuối kỳ	28.105	32.089	14,2	33.752	5,2	9,7	
3	HDV từ tổ chức bình quân từ đầu kỳ đến cuối kỳ	29.061	34.838	19,9	43.332	24,4	22,1	
4	HDV từ cá nhân bình quân từ đầu kỳ đến cuối kỳ	26.498	29.485	11,3	31.543	7,0	9,1	

Nguồn: Báo cáo Kết quả kinh doanh của OceanBank 2017-2019

* TS., Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh - HUTECH

** Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương

Báo cáo kết quả kinh doanh của OceanBank trong giai đoạn 2017-2019 cũng cho thấy, kết quả thực hiện HĐV tăng dần, từ 98,4% năm 2017 (kế hoạch HĐV cuối kỳ đặt ra là 63.368 tỷ đồng, thực hiện 62.354 tỷ đồng) lên 105% năm 2018 (kế hoạch HĐV cuối kỳ đặt ra là 65.438 tỷ đồng, thực hiện 68.710 tỷ đồng) và 110% năm 2019 (kế hoạch HĐV cuối kỳ đặt ra là 73.672 tỷ đồng, thực hiện 81.039 tỷ đồng).

Về cơ cấu nguồn vốn huy động

Cơ cấu vốn huy động theo đối tượng

Bảng 3 cho thấy, tỷ lệ HĐV từ TCKT tăng trưởng tốt, nhưng tỷ lệ HĐV từ cá nhân có xu hướng giảm. Tiền gửi TCKT năm 2017 chiếm tỷ trọng 54,9%; năm 2018 chiếm 53,3%; và có xu hướng tăng đáng kể vào năm 2019, với tỷ trọng chiếm 58,4%. Tiền gửi từ TCKT chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng nguồn HĐV.

Cơ cấu vốn huy động theo loại tiền

Với mục tiêu đa dạng nguồn vốn huy động, bên cạnh huy động bằng tiền VND, OceanBank còn huy động thêm ngoại tệ là USD, EUR, GBP và AUD. Bảng 4 cho thấy, trong cơ cấu nguồn huy động, nguồn vốn huy động bằng VND chiếm tỷ trọng lớn hơn. Tuy nhiên, nguồn vốn huy động ngoại tệ nhỏ hơn không nhiều so với VND, lần lượt chiếm 37,4% năm 2017, 36,3% năm 2018 và 35,4% năm 2019 trong tổng nguồn huy động. Đây là một kết quả hết sức tích cực về mặt HĐV ngoại tệ của OceanBank.

Cơ cấu vốn huy động theo thời gian

Số liệu cơ cấu nguồn vốn huy động theo thời gian tại OceanBank ở Bảng 5 cho thấy, nguồn vốn huy động tại Ngân hàng chủ yếu là vốn ngắn hạn. Năm 2017, lượng vốn ngắn hạn là 52.675 tỷ đồng, chiếm 84,5%; năm 2018 là 57.887 tỷ đồng, chiếm 84,2%; và năm 2019 là 64.424 tỷ đồng, chiếm 79,5%. Điều này cũng dễ hiểu, bởi vì lãi suất tiền gửi ngắn hạn và trung dài hạn tại Ngân hàng không có nhiều khác biệt. Bên cạnh đó, tâm lý khách hàng muốn quay vòng vốn nhanh, có nhu cầu sử dụng vốn thường xuyên. Do vậy, họ chỉ gửi tiền ngắn hạn để dễ dàng điều chỉnh mục đích sử dụng. Nguồn vốn ngắn hạn có tăng về con số, còn tỷ trọng có xu hướng giảm do vốn huy động trung và dài hạn của OceanBank được cải thiện hơn qua từng năm.

Cơ cấu vốn huy động theo kỳ hạn

Bảng 6 cho thấy, tiền gửi có kỳ hạn chiếm phần lớn tỷ trọng nguồn HĐV của

BẢNG 2: QUY MÔ, TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG HĐV OCEANBANK GIAI ĐOẠN 2017-2019

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	Số tiền (tỷ đồng)	% tăng (tỷ đồng)	Số tiền (tỷ đồng)	% tăng (tỷ đồng)	Số tiền (tỷ đồng)	% tăng (tỷ đồng)
HĐV cuối kỳ	62.354	68.710	10,2	81.039	17,9	
HĐV theo đối tượng						
HĐV từ TCKT cuối kỳ	34.249	36.621	6,9	47.287	29,1	
HĐV từ cá nhân cuối kỳ	28.105	32.089	14,2	33.752	5,2	
HĐV theo loại tiền						
HĐV VND cuối kỳ	39.051	43.769	12,1	52.328	19,6	
HĐV ngoại tệ quy VND cuối kỳ	23.303	24.941	7,0	28.711	15,1	
HĐV theo thời gian						
HĐV ngắn hạn cuối kỳ	52.675	57.887	9,9	64.424	11,3	
HĐV trung, dài hạn cuối kỳ	9.679	10.823	11,8	16.615	53,5	
HĐV theo kỳ hạn						
HĐV có kỳ hạn cuối kỳ	49.532	52.417	5,8	62.537	19,3	
HĐV không kỳ hạn cuối kỳ	12.822	16.293	27,1	18.502	13,6	
HĐV bình quân từ đầu kỳ đến cuối kỳ	55.559	64.323	15,8	74.875	16,4	
HĐV theo đối tượng						
HĐV từ TCKT bình quân trong kỳ	29.061	34.838	19,9	43.332	24,4	
HĐV từ cá nhân bình quân trong kỳ	26.498	29.485	11,3	31.543	7,0	
HĐV theo loại tiền						
HĐV VND bình quân trong kỳ	33.612	36.876	9,7	45.348	23,0	
HĐV ngoại tệ quy VND bình quân trong kỳ	21.947	27.447	25,1	29.527	7,6	
HĐV theo thời gian						
HĐV ngắn hạn bình quân trong kỳ	46.953	54.098	15,2	63.271	17,0	
HĐV trung, dài hạn bình quân trong kỳ	8.606	10.225	18,8	11.604	13,5	
HĐV theo kỳ hạn						
HĐV có kỳ hạn bình quân trong kỳ	42.568	47.896	12,5	55.478	15,8	
HĐV không kỳ hạn bình quân trong kỳ	12.991	16.427	26,4	19.397	18,1	

BẢNG 3: CƠ CẤU NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG THEO ĐỐI TƯỢNG TẠI OCEANBANK GIAI ĐOẠN 2017-2019

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Huy động cuối kỳ	62.354	100	68.710	100	81.039	100
1. HĐV từ TCKT cuối kỳ	34.249	54,9	36.621	53,3	47.287	58,4
1.1. HĐV từ TCKT theo loại tiền						
HĐV VND từ TCKT	22.136	35,5	23.499	34,2	29.660	36,6
HĐV ngoại tệ quy VND từ TCKT	12.113	19,4	13.122	19,1	17.627	21,8
1.2. HĐV từ TCKT theo kỳ hạn						
HĐV có kỳ hạn từ TCKT	22.323	35,8	24.804	36,1	34.198	42,2
HĐV không kỳ hạn từ TCKT	11.926	19,1	11.817	17,2	13.089	16,2
2. HĐV từ cá nhân cuối kỳ	28.105	45,1	32.089	46,7	33.752	41,6
2.1. HĐV từ cá nhân cuối kỳ theo loại tiền						
HĐV VND từ cá nhân	16.274	26,1	17.384	25,3	21.637	26,7
HĐV ngoại tệ quy VND từ cá nhân	11.831	19,0	14.705	21,4	12.115	14,9
2.2. HĐV từ cá nhân cuối kỳ theo kỳ hạn						
HĐV có kỳ hạn từ cá nhân	24.630	39,5	24.529	35,7	25.446	31,4
HĐV không kỳ hạn từ cá nhân	3.475	5,6	7.560	11,0	8.306	10,2

BẢNG 4: CƠ CẤU NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG THEO LOẠI TIỀN TẠI OCEANBANK GIAI ĐOẠN 2017-2019

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng HĐV cuối kỳ	62.354	100	68.710	100	81.039	100
VND	39.051	62,6	43.769	63,7	52.328	64,6
Ngoại tệ quy VND	23.303	37,4	24.941	36,3	28.711	35,4

Nguồn: Báo cáo kết quả kinh doanh của OceanBank 2017-2019

OceanBank. Cụ thể, năm 2017 huy động có kỳ hạn là 49.532 tỷ đồng, chiếm 79,4%; năm 2018 đạt 52.417 tỷ

BẢNG 5: CƠ CẤU NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG THEO THỜI GIẠN TẠI OCEANBANK GIAI ĐOẠN 2017-2019

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng HDV cuối kỳ	62.354	100	68.710	100	81.039	100
Ngắn hạn	52.675	84,5	57.887	84,2	64.424	79,5
Trung dài hạn	9.679	15,5	10.823	15,8	16.615	20,5

BẢNG 6: CƠ CẤU NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG THEO KỲ HẠN TẠI OCEANBANK GIAI ĐOẠN 2017-2019

Chỉ tiêu	2017		2018		2019	
	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Tổng số (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng HDV cuối kỳ	62.354	100	68.710	100	81.039	100
Có kỳ hạn	49.532	79,4	52.417	76,3	62.537	77,2
Không kỳ hạn	12.822	20,6	16.293	23,7	18.502	22,8

Nguồn: Báo cáo Kết quả kinh doanh của OceanBank, 2017-2019

đồng, chiếm 76,3%; năm 2019 đạt 62.537 tỷ đồng, chiếm 77,2%. Đây là điều dễ hiểu, bởi nguồn tiền gửi có kỳ hạn là nguồn ổn định và bền vững hơn so với nguồn tiền gửi không kỳ hạn. Do đó, Ngân hàng dùng nguồn này tài trợ cho các dự án đầu tư phát triển trung và dài hạn.

CÁC GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN

HDV của OceanBank trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Đó là: quy mô HDV tăng trưởng tốt hàng năm, nhưng tỷ lệ thu nhập từ HDV lại tăng trưởng chậm, chưa tương xứng, với mức tăng của quy mô; sự cạnh tranh khá gay gắt từ các ngân hàng thương mại, cũng như các tổ chức tài chính khác khiến cho việc HDV của OceanBank gặp nhiều khó khăn.

Do đó, để HDV thực sự mang lại hiệu quả cao, OceanBank cần đẩy mạnh thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đẩy nhanh tiến độ các dự án cải tiến công nghệ theo định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, đáp ứng tốt hơn yêu cầu khách hàng. Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ quản lý để phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị của các chi nhánh.

Thứ hai, đặt vấn đề an toàn bảo mật cho khách hàng lên hàng đầu. Tăng cường nghiên cứu, cải tiến các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng

bên. Đối với các sản phẩm dành cho các doanh nghiệp, TCKT cần chú trọng lãi suất và phương thức trả lãi chính lãi suất. Đối với các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm dành cho dân cư, cần tăng cường những tính năng đáp ứng tâm lý của họ. Đảm bảo khả năng cạnh tranh với các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài.

Thứ ba, hoàn thiện quy trình giao dịch theo hướng đơn giản hơn để khách hàng dễ tiếp cận, cán bộ dễ triển khai, nhưng vẫn đảm bảo an toàn. Ví dụ, triển khai hệ thống khai báo hồ sơ trực tuyến. Khách hàng có thể chọn trước dịch vụ và khai báo thông tin trực tuyến, sau đó đến ngân hàng để được đáp ứng yêu cầu.

Thứ tư, đảm bảo các biện pháp chủ động kiểm chế và đẩy lùi tỷ cơ lạm phát nhằm ổn định giá trị của đồng nội tệ. Ổn định giá trị là mục tiêu hàng đầu của chính sách tiền tệ. Bởi, nếu lạm phát cao, đồng tiền bị mất giá sẽ khiến người dân chuyển qua giữ tài sản dưới dạng tích lũy vàng. Hơn nữa, khi đồng tiền bị mất giá ngân hàng phải tăng lãi suất huy động để bù đắp phần trượt giá. Điều này gây ảnh hưởng đến việc mở rộng tín dụng.

Thứ năm, kiểm nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét điều chỉnh năng trần lãi suất huy động USD lên mức cao hơn 0%/năm hiện nay. Lãi suất tiền gửi USD trong hệ thống ngân hàng được quy định là 0%. nhưng thực tế các ngân hàng vẫn chi tiền theo một tỷ lệ nhất định để HDV. Vì mức lãi suất 0%/năm như hiện nay tạo ra độ chênh lớn, người gửi tiền và ngân hàng sẵn sàng chịu thêm chi phí để lách luật còn hơn giữ USD không lãi. Nâng trần lãi suất huy động USD tạo động lực cho người dân gửi USD vào ngân hàng nhiều hơn, giải quyết nhu cầu huy động ngoại tệ để cho vay của các ngân hàng thương mại. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng Nhà nước (2018). *Thông tư số 48/2018/TT-NHNN, ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi tiết kiệm*
2. Ngân hàng Nhà nước (2018). *Thông tư số 49/2018/TT-NHNN, ngày 31/12/2018 quy định về tiền gửi có kỳ hạn*
3. OceanBank (2017, 2018, 2019). *Báo cáo Kết quả kinh doanh của OceanBank, 2017-2019*
4. Nguyễn Thị Thanh Hà (2013). *Phân tích đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả huy động vốn tại ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Quản trị kinh doanh, trường Đại học Bách khoa Hà Nội
5. Hoàng Thị Hồng Lê (2014). *Giải pháp nâng cao hiệu quả huy động vốn của ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)*, Luận văn thạc sĩ kinh tế, trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên